

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2023/DS-ST

Ngày: 05-5-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Yên
- Ông Nguyễn Thế Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Ngọc Mến - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 34/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Trọng Q, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số V, đường hẻm T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc P, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số B, đường A, khóm D, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (theo văn bản ủy quyền ngày 11/4/2023).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số C, đường R, khóm L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Ngô Thị Hồng T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số C, đường R, khóm L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/04/2022 ông Q cho ông N và bà T vay số tiền 1.550.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm, năm mươi triệu đồng), hợp đồng vay được xác lập là “Giấy thỏa thuận”, mục đích vay để trả nợ cho Quỹ tín dụng M, phường M3, thành phố L, tỉnh An Giang theo hợp đồng tín dụng số 15.M22/HĐTD ngày 20/01/2022 và nhận lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho Quỹ tín dụng. Thời hạn vay 6 tháng (28/4/2022 đến 28/10/2022), không lãi suất, hết thời hạn vay ông N và bà T không trả theo nội dung của giấy thỏa thuận. Ông N và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên ông Q khởi kiện.

Ông Q yêu cầu ông N và bà T liên đới trách nhiệm trả cho ông số tiền vốn vay là 1.550.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm, năm mươi triệu đồng). Yêu cầu tính lãi kể từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử. Cụ thể: Thời gian tính lãi từ 23/12/2022 đến 05/5/2023, lãi suất 10%/năm. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = 1.550.000.000 đồng x 10%/năm x 134 ngày = 57.694.000 đồng

Bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án phù hợp quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn xác lập hợp đồng và có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn ủy quyền cho ông Trần Ngọc P, văn bản ủy quyền phù hợp quy định pháp luật. Ông P tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền quy định tại Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Ông Q đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của ông N, bà T theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng bằng văn bản do ông N xác lập được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông N, bà T theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ kết quả xác minh của công an phường Mỹ Thới xác nhận ông N, bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số C, khóm L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

[1.4] Ông N, bà T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông N, bà T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Q và ông N, bà T xác lập hợp đồng vay thông qua “Giấy thỏa thuận” ngày 28/4/2022; số tiền vốn 1.550.000.000 đ (Một tỷ, năm trăm, năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay 6 tháng (28/4/2022 đến 28/10/2022); không lãi suất; mục đích vay trả nợ cho Quỹ tín dụng M, phường MT, thành phố L, tỉnh An Giang theo hợp đồng tín dụng số 15.M22/HĐTD ngày 20/01/2022 để nhận lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho Quỹ tín dụng, hết thời hạn vay 06 tháng ông N, bà T không trả số tiền vay thì có nghĩa vụ sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q. Hết thời hạn vay ông N và bà T không thực hiện như cam kết.

[2.2] Hợp đồng vay các bên xác lập phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự. Hợp đồng vay do ông N ký nhận với ông Q nhưng nội dung thể hiện trả nợ cho khoản vay chung của ông N, bà T vay của Quỹ tín dụng M; quá trình giải quyết vụ án ông N, bà T không có ý kiến phản đối theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu của nguyên đơn buộc ông N, bà T liên đới trách nhiệm là có căn cứ. Ông N, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông N, bà T liên đới trách nhiệm trả số tiền vốn vay là 1.550.000.000 đồng + 57.694.000 đồng (1.550.000.000 đồng x 10%/năm x 134 ngày) là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông N, bà T có trách nhiệm liên đới nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trọng Q.

Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Hồng T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Trọng Q số tiền 1.607.694.000 đồng. Trong đó (vốn vay là 1.550.000.000 đồng, số tiền lãi từ ngày 23/12/2022 đến 05/5/2023 là 57.694.000 đồng.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông N, bà T có trách nhiệm liên đới nộp 60.231.000 đ (sáu mươi triệu, hai trăm ba mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Q được nhận lại 29.250.000 đ (hai mươi chín triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001248 ngày 16/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[3] Về quyền kháng cáo:

Ông Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông N, bà T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Quốc Việt